

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 04 - 9 - 2024

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ;

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông S và bà Ngô Thị L tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do bà L thường xuyên đi ca hát với nhau, ông S không thích nên đã góp ý nhiều lần

với bà nhưng bà L không thay đổi, lúc ông S đi làm thì bà L vẫn đi hát, ông khuyên ngăn thì vợ chồng cãi vả nhau, thách thức, chửi mắng ông, những lúc ông say rượu ngủ ngáy thì bà L không chịu được, kiếm chuyện cư xử không tốt với ông, vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, đã ly thân từ Tết năm 2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông S xin ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông S, bà L chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1999 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thành G, sinh ngày 14/02/2009 đang ở với bà L, ly hôn giao cháu G cho bà L nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị L trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 08/7/2024: Bà thống nhất như ông S trình bày về thời gian chung sống, kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông S trình bày bà có đi ca hát nhưng do ông S đi làm, ở nhà bà buồn mới đi ca hát với bạn bè, bà L xin đoàn tụ vì còn thương chồng con, bà hứa sẽ không đi ca hát, ở nhà chăm lo cho chồng con.

- Về con chung: Bà và ông S chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1999 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thành G, sinh ngày 14/02/2009 đang ở với bà L, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu G và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu G.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà L. Giao cháu G cho bà L nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà L không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án cho ly hôn, bà L yêu cầu nuôi cháu G và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000đ. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị L thường trú tại thị trấn C, huyện C. Ông S khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông S và bà L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông S cho rằng bà L thường đi ca hát mỗi khi ông S đi làm, ông ngăn cản nhưng bà L không thay đổi, có lần bắt gặp bà L lên nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, gây gổ nhau bà L đánh và đuổi ông đi nên ông đã không về nhà và không còn chung sống với bà L từ Tết năm 2024 đến nay. Bà L thừa nhận có đi hát là do ông S đi làm, ở nhà bà buồn mới đi hát, vợ chồng mâu thuẫn nhau ông S đi không về nhà, bà có liên hệ năn nỉ ông S về và hứa sửa đổi nhưng ông S không chịu về, bà L không đồng ý ly hôn do còn thương chồng con. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng ông S vẫn kiên quyết ly hôn. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa ông S và bà L đã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, đã sống ly thân từ Tết năm 2024 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S.

Về con chung: Ông S và bà L chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1999 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được; Nguyễn Thành G, sinh ngày 14/02/2009 đang ở với bà L, ly hôn ông S đồng ý giao cháu G cho bà L nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án bà L có yêu cầu nuôi cháu G và cháu G cũng có nguyện vọng muốn ở với bà L. Xét, từ khi ông S, bà L ly thân đến nay cháu G do bà L nuôi dưỡng ổn định và có yêu cầu tiếp tục nuôi cháu G, ông S đồng ý nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thành G, sinh ngày 14/02/2009 cho bà Ngô Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông S đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành S được ly hôn với bà Ngô Thị L.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành G, sinh ngày 14/02/2009 cho bà Ngô Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành S cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành G mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu G thành niên và có khả năng lao động được.

Bà L cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Thành S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005850 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ